



Số: /SXD-QLHĐ&VLXD
V/v công bố giá vật liệu xây
dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
tháng 4 năm 2026.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

I. Giá vật liệu xây dựng trên địa tỉnh Đồng Nai thời điểm tháng 4 năm 2026: Làm cơ sở để chủ đầu tư sử dụng tham khảo trong việc và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa tỉnh Đồng Nai.

Giá vật liệu xây dựng được công bố chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, giảm giá, hoa hồng... (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh; không có giá trị dùng để thanh toán, quyết toán (việc thanh toán, quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành).

Công bố giá vật liệu xây dựng bao gồm:

Phụ lục 1 (từ khu vực 1 đến khu vực 11); Phụ lục 2 (từ khu vực 12 đến khu vực 22): Công bố giá một số loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn các phường, xã của tỉnh Đồng Nai căn cứ: Báo cáo khảo sát giá vật liệu xây dựng tổng hợp do UBND các phường, xã cung cấp và theo công văn đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá.

II. Một số nội dung cụ thể:

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn của các Sở chuyên ngành, địa điểm xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục

tiêu đầu tư, tính chất công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý với yêu cầu đặc thù của công trình và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

2. Đối với một số loại vật liệu trong từng thời điểm có biến động lớn (tăng và giảm), thay đổi liên tục trong thời gian ngắn (từng ngày): Chủ đầu tư cần chủ động cập nhật giá vật liệu phù hợp với giá thị trường theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thực hiện thi công công trình và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Đối với vật liệu phục vụ san lấp: Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng vật liệu khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình.

4. Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng cho các công trình phải có chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng hàng hoá theo quy định.

5. Thông tin giá của các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại mục 3 Phụ lục của Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động về giá và nguồn cung đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai (phòng Quản lý Hoạt động và Vật liệu xây dựng) để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở, ban, ngành;
- Văn phòng Sở (đăng lên trang website SXD);
- Lưu: VT, QLHD&VLXD_(Hùng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thành Phương

KÝ HIỆU TẠI PHỤ LỤC I, PHỤ LỤC II

Số TT	Ký hiệu	Gồm các phường, xã	Ghi chú
01	Khu vực 1	Các phường: Biên Hòa, Trấn Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước	Phụ lục I
02	Khu vực 2	Phường Trảng Bom, xã An Viễn, xã Bình Minh, xã Bàu Hàm, xã Hưng Thịnh	
03	Khu vực 3	Phường Dầu Giây, xã Gia Kiệm, xã Thống Nhất	
04	Khu vực 4	Các phường: Long Khánh, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Hàng Gòn	
05	Khu vực 5	Phường Xuân Lộc, xã Xuân Định, xã Xuân Phú, xã Xuân Hòa, xã Xuân Thành, xã Xuân Bắc	
06	Khu vực 6	Các xã: Cẩm Mỹ, Sông Ray, Xuân Quế, Xuân Đông, Xuân Đường	
07	Khu vực 7	Các xã: La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Thanh Sơn	
08	Khu vực 8	Phường Tân Phú, xã Nam Cát Tiên, xã Tà Lài, xã Phú Lâm, xã Đắc Lúa	
09	Khu vực 9	Phường Long Thành, xã Phước Thái, xã Long Phước, xã Bình An, xã An Phước	
10	Khu vực 10	Phường Nhơn Trạch, xã Đại Phước, xã Phước An	
11	Khu vực 11	Phường Tân Triều, Phường Trị An, xã Tân An, xã Phú Lý	Phụ lục II
12	Khu vực 12	Các phường: Bình Phước, Đồng Xoài	
13	Khu vực 13	Các phường: Phước Bình, Phước Long	
14	Khu vực 14	Các phường: An Lộc, Bình Long	
15	Khu vực 15	Các phường: Minh Hưng, Chơn Thành; xã Nha Bích.	
16	Khu vực 16	Phường Đồng Phú, xã Thuận Lợi, xã Đồng Tâm, xã Tân Lợi	
17	Khu vực 17	Các xã: Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đắc Nhau, Bom Bo	
18	Khu vực 18	Các xã: Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước	
19	Khu vực 19	Các xã: Bù Gia Mập, Đắc O, Phú Nghĩa, Đa Kì	
20	Khu vực 20	Phường Lộc Ninh, xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng, xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh, xã Lộc Quang	
21	Khu vực 21	Phường Tân Khai, xã Tân Quan, xã Tân Hưng, xã Minh Đức	
22	Khu vực 22	Các xã: Bình Tân, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung	